

CHIA SẺ NIỀM VUI CỨU ĐỘ CỦA THIÊN CHÚA

Chúa Nhật Tuần XXIV - Mùa Thường
Niên

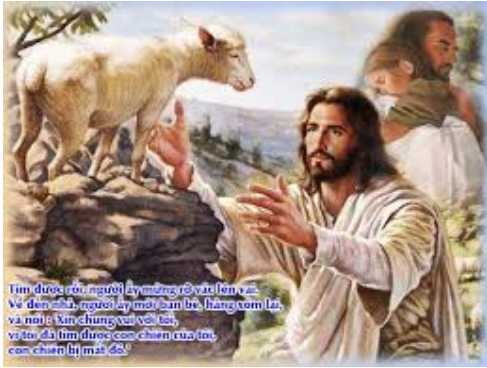
(Xh 32:7-11.13-14; 1 Tm 1:12-17; Lc 15:1-32)



Chúng ta thường nghe người ta nói rằng: “Giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời.” Đúng là bản tính “khó” dời, nhưng không có nghĩa là không thể dời. Trong cuộc sống, chúng ta thấy rằng: sự vật hoặc con vật khó thay đổi bản chất của nó. Nếu muốn thay đổi, nó phải bị một yếu tố bên ngoài tác động. Một cái bánh không thể trở thành cái ghế hoặc một con gà không thể trở thành con vịt. Tuy nhiên, con người thì không như thế, con người được phú ban cho lý trí và sự tự do, nên con người có thể trở thành hữu thể mà trước đó mình không là: người tốt có thể trở thành xấu và người xấu có thể trở thành tốt. Đây là lý do tại sao chúng ta luôn được nhắc nhở rằng: Hãy cẩn thận khi thành công, vì có ngày sẽ thất bại; nhưng hãy hy vọng khi thất bại vì có ngày sẽ thành công. Điều quan trọng là chúng ta để cho cõi lòng mình rộng mở, hầu Thiên Chúa có thể đổ đầy ân sủng Ngài trên chúng ta, làm cho chúng ta trở thành người mà trước kia chúng ta không phải là, đó là trở thành con cái Thiên Chúa và đồng thừa tự với Đức Kitô.

Ba bài đọc hôm nay trình bày cho chúng ta ba sự kiện mà trong đó sự thay đổi của con người để trở nên tốt hơn và xấu hơn là có thể. Trong bài đọc 1, tác giả sách Xuất Hành tường thuật việc dân Israel “thay lòng đổi dạ.” Họ chóng quên việc Đức Chúa vừa làm cho họ, đó là đưa họ “lên từ đất Ai Cập” (Xh 32:7). Vì vội quên Đức Chúa, nên họ “đã vội đi ra ngoài con đường Ta truyền cho chúng đi,” đó là “đúc một con bê, rồi sụp xuống lạy nó, tế nó và nói: ‘Hỡi Israel, đây là thần của ngươi đã đưa ngươi lên từ đất Ai Cập’” (Xh 32:8). Điều này phản ánh thái độ “chóng quên tình thương của Chúa” của nhiều người trong chúng ta. Thực tế cho chúng ta thấy, khi được chúc lành, chúng ta tỏ lòng biết ơn và tôn sùng, nhưng khi gặp khó khăn và thử thách, chúng ta vội chóng quên những ân lộc Chúa ban và bắt đầu tìm cho mình “chúa khác” [tiền tài, danh vọng, thú tiêu khiển] để tôn thờ.

Trong bài đọc 2, Thánh Phaolô nói về chính sự thay đổi của mình. Thánh nhân nói cho Timôthê biết về cuộc sống trước và sau khi gặp Đức Giêsu Kitô, “Đấng đã ban cho Ngài sức mạnh, vì Người đã tín nhiệm tôi mà gọi tôi đến phục vụ Người” (1 Tm 1:12). Thật vậy, sự gặp gỡ với Đức Kitô đã mang lại một sự thay đổi tận căn nơi Thánh Phaolô: “Trước kia, tôi là kẻ nói lộng ngôn, bắt đạo và ngạo ngược, nhưng tôi đã được Người thương xót, vì tôi đã hành động một cách vô ý thức, trong lúc chưa có lòng tin. Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta, đã ban cho tôi đầy tràn ân sủng, cùng với đức tin và đức mến của một kẻ được kết hợp với Người” (1 Tm 1:13-14). Qua những lời này, Thánh Phaolô cho chúng ta biết yếu tố quyết định sự thay đổi nơi thánh nhân không đến từ chính mình, nhưng từ lòng thương xót của Thiên Chúa, hay đúng hơn, đến từ việc ngài cảm nghiệm được “mình được yêu và được tha thứ.” Thật vậy, Thánh Phaolô nhận ra rằng ngài được xót thương “là vì Đức Giêsu Kitô muốn tỏ bày tất cả lòng đại lượng của Người nơi tôi là kẻ đầu tiên, mà đặt tôi làm gương cho những ai sẽ tin vào Người, để được sống muôn đời” (1 Tm 1:16). Cảm nghiệm được tình yêu và sự tha thứ của Thiên Chúa cũng là một “sứ mệnh.” Nói cách khác, khi chúng ta cảm nhận được tình yêu và sự tha thứ của Chúa Giêsu, chúng ta không thể không theo gương Chúa Giêsu để yêu thương và tha thứ cho anh chị em mình.



Tìm được rồi, người ấy mừng rỡ và lên cao.
 Vì đến nhà, người ấy mới cúi bái hàng xóm lại,
 và nói: Xin chung vui với tôi,
 vì tôi đã tìm được con chiên của tôi,
 con chiên bị mất đi!

Từ gương Thánh Phaolô, chúng ta có thể rút ra rằng, bất kỳ ai gặp gỡ Chúa Giêsu đều thay đổi, đều từ bỏ lối sống tội lỗi trước kia của mình. Đây là lý do tại sao Thánh Luca trình bày cho chúng ta việc “các người thu thuế và các người tội lỗi đều lui tới với Đức Giêsu để nghe Người giảng” (Lc 15:1). Tuy nhiên, điều đáng buồn ở đây là những người Pharisiêu và các kinh sư phản ứng tiêu cực về điều này. Thái độ của họ hoàn toàn trái ngược với thái độ của Môsê trong bài đọc 1.

Môsê đã chuyển cầu cho dân chúng khi họ phạm đến Đức Chúa (x. Xh 32:11-14). Còn những người Pharisiêu và các kinh sư thì khinh chê những người thu thuế và tội lỗi, đồng thời phàn nàn về Chúa Giêsu. Thái độ phàn nàn này phản ánh thái độ của dân Israel xưa được trình thuật trong bài đọc 1. Đứng trước thái độ này, Chúa Giêsu nói cho họ nghe ba dụ ngôn về lòng thương xót của Thiên Chúa được tỏ lộ nơi Ngài. Lòng thương xót này đã được diễn tả khi ông Môsê chuyển cầu cho dân chúng: “Đức Chúa đã thương, không giáng phạt dân Người như Người đã đe” (Xh 32:14).

Ba dụ ngôn trong bài Tin Mừng hôm nay là những dụ ngôn đặc trưng của Thánh Luca. Qua ba dụ ngôn này, Thánh Luca muốn nói với chúng ta rằng lòng thương xót của Thiên Chúa vượt qua tất cả những giới hạn của con người khi nghĩ đến việc Thiên Chúa sẽ đối xử với những người tội lỗi như thế nào. Tình yêu và lòng nhân từ của Thiên Chúa có thể nói rất “dại dột” như người mục tử bỏ rơi 99 con chiên để đi tìm một con chiên lạc, như người phụ nữ xáo trộn cả căn nhà của mình để tìm cho được đồng tiền đã mất, và như một người cha Do Thái, là người vui mừng đón “người con đã trở thành dân ngoại” của mình trở về. Qua ba dụ ngôn này, Thánh Luca nhắc nhở chúng ta rằng: Vì chúng ta có một Thiên Chúa yêu thương như thế, nên chúng ta theo con đường Giêsu để tin tưởng và vui mừng chạy đến với Ngài.

Ba dụ ngôn này có cùng một kiểu mẫu: mất – đi tìm – tìm thấy – vui mừng. Qua ba dụ ngôn này, Chúa Giêsu nói cho chúng ta về tình yêu vô điều kiện của Thiên Chúa, đó là một tình yêu “tìm kiếm” những người con đã bỏ đi. Trong hai dụ ngôn đầu, Thánh Luca trình bày tình yêu Thiên Chúa dành cho những người tội lỗi trong hình ảnh của một người nam và một người nữ. Điều đầu tiên chúng ta cần lưu ý trước khi phân tích ba dụ ngôn là lý do cho cuộc tranh luận giữa Chúa Giêsu và những người Pharisiêu. Mặc dù Thánh Luca không đặt cuộc tranh luận vào trong bối cảnh bàn ăn hay giảng dạy, nhưng cuộc tranh luận này vẫn có sự quy chiếu về bàn tiệc, điều mà chúng ta thấy trong dụ ngôn Người Cha Nhân Hậu. Vấn đề bên dưới cuộc tranh luận hay đúng hơn dưới ba dụ ngôn là câu hỏi: Sẽ có một số người bị loại ra khỏi tình yêu Thiên Chúa phải không? Qua ba dụ ngôn, Thánh Luca nói cho những thành viên trong cộng đồng mình rằng không ai bị loại trừ khỏi tình yêu và sự tha thứ của Thiên Chúa.

Câu điệp khúc chúng ta nghe trong suốt chương 15 là “mất”: mất chiên, mất đồng tiền (câu 9), mất người con (câu 24), và mất người anh em (câu 32). Trong ba dụ ngôn, chỉ có dụ ngôn thứ nhất cũng được tìm thấy trong Tin Mừng Thánh Mátthêu (18:12-14). Cũng như dụ ngôn Người Cha Nhân Hậu, đề tài chính là “niềm vui”: Niềm vui được đến gần Chúa Giêsu; niềm vui được đồng bàn với Ngài [Thánh Thể]; niềm vui được yêu thương, được tìm thấy và được tha thứ. Chi tiết này thường dễ dàng bị bỏ qua bởi nhiều người khi đọc ba dụ ngôn này, họ chỉ chú tâm đến thái độ của người Pharisiêu hay sự tha thứ của Thiên

Chúa mà quên mất đi niềm vui khi được tha thứ và lời mời gọi “chia sẻ” niềm vui được tha thứ đó cho người khác bằng cách tha thứ cho họ. Theo các học giả Kinh Thánh, ba dụ ngôn [nhất là hai dụ ngôn đầu] nhấn mạnh đến đề tài niềm vui với bốn đặc tính sau: (1) chủ đề về phổ quát, cộng đoàn và cứu độ luôn đan xen với nhau; (2) sự sám hối luôn là tiền đề để tìm thấy niềm vui; (3) hạnh phúc chủ yếu hệ tại việc sẵn sàng chia sẻ niềm vui của chính Thiên Chúa trong việc mang ơn cứu độ đến cho mọi người; (4) lời mời gọi tham dự vào tình yêu và niềm vui của Thiên Chúa đến từ Đức Giêsu Kitô.



Chúng ta cùng nhau tập trung vào dụ ngôn Người Cha Nhân Hậu, để khám phá ra tình yêu của Thiên Chúa, tình yêu mà Chúa Giêsu mời gọi chúng ta tham dự. Dụ ngôn này kể cho thánh giả nghe về câu chuyện của hai anh em. Trong câu chuyện này, người em “được vinh quang” hơn người anh. Chi tiết này gợi lại cho chúng ta những câu chuyện về anh em xảy ra trong Cựu Ước: Cain và Aben; Êsau và Giacóp; ông Giuse và các người anh của ông. Chúa Giêsu dường như đối ngược sự mong chờ: người con hoang đàng là hình ảnh của người em. Điều làm cho người em trở nên “không là chính mình” là việc “đi chăn heo.” Việc chăn heo đã làm cho người em rơi vào vũng sâu của lối sống dân ngoại. Trong sự khốn cùng của mình, người em thăm thốt lên những điều khơi dậy sự sám hối trong mình. Khi anh ta trở về, đúng ra anh phải “chạy” đến với người cha, nhưng bài Tin Mừng lại trình bày cho chúng ta thấy chính người cha “chạy” đến với anh. Hành động này không thể chấp nhận được theo văn hoá phương đông: Một người già không thể chạy cách vội vã. Hành động này không có nhân phẩm cho lắm! Nhưng tình yêu của người cha đã làm cho ông không quan tâm đến chính mình, cho bằng nhân phẩm của người con. Sự tha thứ của người cha dành cho người con, là người đã trở thành dân ngoại, được diễn tả trong nghi thức mang áo, đeo nhẫn, dày, và tiệc mừng. Câu chuyện có thể kết thúc ở đây, nhưng Thánh Luca tiếp tục thêm vào hình ảnh người anh cả (x. câ 25-32) để hoàn thành câu chuyện về hai anh em, đồng thời khuyến cáo những thành viên trong cộng đoàn, là những người tự xem mình là người công chính để rồi chỉ trích, xem thường và loại trừ người khác. Điều này được diễn tả qua lời nói cũng như hành động của người anh: “Còn thằng con của cha đó, sau khi đã nuốt hết của cải của cha với bọn điếm, nay trở về, thì cha lại giết bê béo ăn mừng!” (Lc 15:30). Qua những lời này, người anh không muốn chấp nhận đứa em “đã chết” vẫn đang còn sống là người em của mình. Thái độ này cũng là thái độ của nhiều người trong chúng ta. Nhiều lần chúng ta xem người khác, là những người đang sống, như đã chết. Chúng ta loại họ ra khỏi con tim, ra khỏi cuộc đời mình. Đứng trước thái độ đó, lời người cha nói với người con cả làm chúng ta phải “sám hối”: “Con à, lúc nào con cũng ở với cha, tất cả những gì của cha đều là của con. Nhưng chúng ta phải ăn mừng, phải vui vẻ, vì em con đây đã chết mà nay lại sống, đã mất mà nay lại tìm thấy” (Lc 15:32). Những lời thật dịu hiền và yêu thương. Trong những lời này, người cha [Thiên Chúa] mời gọi người anh [chúng ta] đón nhận người em sám hối của mình. Thách đố lớn nhất mà Thánh Luca để ngỏ qua dụ ngôn này là: Không biết người anh có vào dự tiệc và đón nhận người em của mình lại không? Đây cũng là thách đố cho mỗi người chúng ta: Liệu chúng

ta có ngồi vào bàn tiệc với Chúa Giêsu và đón nhận những người khác, những người làm chúng ta đau khổ và tổn thương là anh chị em của mình không?

